

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30- 8 -2022.

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hòe

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lg Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 30-8-2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2022 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09-8-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vương Ngọc L (Vương Thị L), sinh năm 1962, có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Đàm Văn C, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Ngọc L trình bày:* Bà chung sống với ông Đàm Văn C vào năm 2003, trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bà và ông C sinh sống tại địa bàn xã Q đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường hay uống rượu rồi đánh đập bà, cùng năm 2008 thì ông C chuyển đến sinh sống tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong thời gian này bà nghi ngờ ông C có mối quan hệ với người khác, năm 2011 ông C trở về địa phương đánh đập bà và đuổi bà đi. Kể từ năm 2012 đến năm 2020 bà sinh sống tại Lâm Đồng, tháng 8/2020 bà trở lại địa phương, nay bà làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa bà và ông C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi làm đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông C gồm:

Thửa đất thứ nhất: Diện tích 1.000m<sup>2</sup>, chiều ngang mặt đường nhựa liên thôn 20m, dài 50m, diện tích đất trên được công ty 53, thuộc tổng công ty xây dựng trường sơn cấp năm 2005, có giấy của công ty 53 bàn giao nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tại Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Thửa đất thứ hai: Diện tích 1ha (10.000m<sup>2</sup>), không rõ chiều dài, rộng, nguồn gốc đất do công ty 53 cấp theo diện dân Hà Tây đi kinh tế mới, cấp năm 2005, trên đất có một căn nhà gỗ, lợp tôn diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>; căn bếp diện tích khoảng 15m<sup>2</sup>.

Thửa đất thứ 3: Diện tích 3.000m<sup>2</sup>, không rõ chiều dài, rộng, nguồn gốc đất do bà và ông C nhận chuyển nhượng năm 2007, giá tiền nhận chuyển nhượng là 4.000.000 đồng, tài sản trên đất gồm tiêu, cà phê (không rõ số lượng) đã cho thu hoạch.

Tài sản riêng: Bà có nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn T, bà Lê Thị H, địa chỉ Đ, diện tích 5.000m<sup>2</sup>, nhận chuyển nhượng năm 2009 bằng giấy tay, trên đất trồng tiêu, cà phê đã có thu hoạch (không rõ số lượng). Đối với tài sản chung bà yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  diện tích; tài sản riêng yêu cầu ông Đàm Văn C trả lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà tự nguyện xin rút yêu cầu chia tài sản để củng cố thêm tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến bị đơn ông Đàm Văn C trình bày: Ông chuyển vào sinh sống tại địa bàn xã Q năm 1998, năm 2003 gặp, quen và chung sống với bà Vương Ngọc L, việc sống chung trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do trong thời gian sống chung với nhau không có con chung nên giữa ông và bà L thống nhất xin một người con nuôi, nuôi con được khoảng 03 tháng thì giữa ông và bà L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L sợ sau này con nuôi chiếm đoạt tài sản nên trả con nuôi, chung sống đến năm 2008 thì chấm dứt, kể từ đó đến nay ông và bà L không liên lạc với nhau. Nay bà L làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Giữa ông và bà L không có con chung nên ông không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản chung: Đối với các tài sản bà L trình bày là tài sản chung, ông không đồng ý, vì đây là những tài sản riêng của cá nhân ông. Do bà L rút yêu cầu chia tài sản chung, ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vương Ngọc L và ông Đàm Văn C là vợ chồng; về con chung không có nên không xem xét giải quyết, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung giữa bà Vương Ngọc L và ông Đàm Văn C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Đàm Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về việc không công nhận quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Ngọc L và ông Đàm Văn C chung sống với nhau kể từ năm 2003 cho đến năm 2011 tại Thôn Đ, xã Q, huyện Đ tỉnh Đắk Nông nhưng không đăng ký kết hôn. Tại Công văn số 257 trả lời xác minh thông tin đăng ký kết hôn ngày 26-8-2022 của Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn hoặc xác nhận tình trạng hôn nhân của bà L và ông C; việc chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn bà L và ông C đều thừa nhận. Xét quá trình sống chung cuộc sống giữa bà L và ông C hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau, hiện nay bà L và ông C đã sống ly thân kể từ năm 2008 đến nay. Xét do bà L và ông C sống chung với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, nay bà L có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vương Ngọc L và anh Đàm Văn C là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, bà L và ông C đều xác nhận chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Thời điểm nộp đơn khởi kiện, bà L yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông C trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên sau đó bà rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có yêu cầu thì khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngọc L đối với ông Đàm Văn C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vương Ngọc L và ông Đàm Văn C.

1.2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

1.3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Vương Ngọc L và ông Đàm Văn C

2. Về án phí: Bà Vương Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.093.000đ (*mười bốn triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng*) và còn được nhận lại 13.793.000đ (*mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004189 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Đình Hưng**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

